

1. Năm giá trị của lễ hội cổ truyền

Ở đây chúng ta không bàn tới những giá trị nói chung của lễ hội cổ truyền mà chỉ đề cập tới những giá trị cơ bản của lễ hội cổ truyền còn đáp ứng được những nhu cầu của con người trong xã hội hiện nay, một xã hội đang phát triển theo xu hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đó là: giá trị cố kết cộng đồng, giá trị hướng về nguồn (nguồn cội tự nhiên và xã hội), giá trị cân bằng đời sống tâm linh, giá trị sáng tạo và hưởng thụ văn hóa, giá trị bảo tồn, làm giàu và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Thứ nhất, lễ hội nào cũng là của và thuộc về một cộng đồng người nhất định. Đó có thể là cộng đồng làng xã (hội làng), cộng đồng nghề nghiệp (hội nghề), cộng đồng tôn giáo (hội chùa, hội đền, hội nhà thờ), cộng đồng dân tộc (hội Đền Hùng - quốc tế) đến cộng đồng nhỏ hẹp hơn, như gia tộc, dòng họ... Chính lễ hội là dịp biểu

dương sức mạnh của cộng đồng và là chất kết dính tạo nên sự cố kết cộng đồng.

Mỗi cộng đồng hình thành và tồn tại trên cơ sở của những nền tảng gắn kết, như gắn kết do cùng cư trú trên một lãnh thổ, (cộng cư), gắn kết về sở hữu tài nguyên và lợi ích kinh tế (cộng hữu), gắn kết bởi số mệnh chịu sự chi phối của một lực lượng siêu nhiên nào đó (cộng mệnh), gắn kết bởi nhu cầu sự đồng cảm trong các hoạt động sáng tạo và hưởng thụ văn hóa (cộng cảm)... Lễ hội là môi trường góp phần quan trọng tạo nên

niềm cộng mệnh và cộng cảm của sức mạnh cộng đồng.

Ngày nay, trong điều kiện xã hội hiện đại, con người càng ngày càng khẳng định "cái cá nhân", "cá tính" của mình thì không vì thế cái "cộng đồng" bị phá vỡ, mà nó chỉ biến đổi các sắc thái và phạm vi, con người vẫn phải nương tựa vào cộng đồng, có nhu cầu cố kết cộng đồng. Trong điều kiện như vậy, lễ hội vẫn giữ nguyên giá trị biểu tượng của sức mạnh cộng đồng và tạo nên sự cố kết cộng đồng ấy.

Ngày xuân bàn về lễ hội cổ truyền

NGÔ ĐỨC THINH *

Thứ hai, tất cả mọi lễ hội cổ truyền đều hướng về nguồn. Đó là nguồn cội tự nhiên mà con người vốn từ đó sinh ra và nay vẫn là một bộ phận hữu cơ; nguồn cội cộng đồng, như dân tộc, đất nước, xóm làng, tổ tiên, nguồn cội văn hóa... Hơn thế nữa, hướng về nguồn đã trở thành tâm thức của con người Việt Nam - "uống nước nhớ nguồn", "ăn quả nhớ người trồng cây". Chính

vì thế, lễ hội bao giờ cũng gắn với hành hương - du lịch.

Ngày nay, trong thời đại cách mạng khoa học - công nghệ, tin học hóa, toàn cầu hóa, con người bùng tỉnh về tình trạng tách rời giữa bản thân mình với tự nhiên, môi trường; với lịch sử xa xưa, với truyền thống văn hóa độc đáo đang bị mai một. Chính trong môi trường tự nhiên và xã hội như vậy, hơn

* GS, TS, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

bao giờ hết con người càng có nhu cầu hướng về, tìm lại cái nguồn cội tự nhiên của mình, hòa mình vào với môi trường thiên nhiên, bảo vệ thiên nhiên trước nguy cơ bị tàn phá; trở về, tìm lại và khẳng định cái nguồn gốc cộng đồng và bản sắc văn hóa của mình trong cái chung của văn hóa nhân loại. Chính nền văn hóa truyền thống, trong đó có lễ hội cổ truyền là một biểu tượng, có thể đáp ứng nhu cầu bức xúc ấy. Đó chính là *tính nhân bản* bền vững và sâu sắc của lễ hội có thể đáp ứng nhu cầu của con người ở mọi thời đại.

Thứ ba, bên cạnh đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tư tưởng còn hiện hữu *đời sống tâm linh*. Đó là đời sống của con người hướng về cái cao cả thiêng liêng - chân, thiện, mỹ - cái mà con người ngưỡng mộ, ước vọng, tôn thờ, trong đó có niềm tin tôn giáo, tín ngưỡng. Như vậy, tôn giáo, tín ngưỡng thuộc

về đời sống tâm linh, tuy nhiên không phải tất cả đời sống tâm linh là tôn giáo, tín ngưỡng. Chính tôn giáo, tín ngưỡng, các nghi lễ, lễ hội *góp phần* làm thỏa mãn nhu cầu về đời sống tâm linh của con người, đó là "cuộc đời thứ hai", đó là trạng thái "thăng hoa" từ đời sống trần tục, hiện hữu.

Xã hội hiện đại với nhịp sống công nghiệp, các hoạt động của con người dường như được "chương trình hóa" theo nhịp hoạt động của máy móc, căng thẳng và đơn điệu, ồn ào, chật chội nhưng vẫn cảm thấy cô đơn. Một đời sống như vậy tuy có đầy đủ về vật chất nhưng vẫn khô cứng về đời sống tinh thần, một đời sống chỉ có dồn nén, "trật tự" mà thiếu sự cởi mở, xô bồ, "tháo khoán"... Tất cả những cái đó hạn chế khả năng hòa đồng của con người, làm thui chột những khả năng sáng tạo văn hóa mang tính đại chúng. Một đời sống như vậy không có "thời điểm mạnh", "cuộc sống thứ hai", không có sự "bùng cháy" và "thăng hoa"!

Trở về với văn hóa dân tộc, lễ hội cổ truyền, con người hiện đại dường như được tắm mình trong dòng nước mát đầu nguồn của văn hóa dân tộc, tận hưởng những giây phút thiêng liêng, ngưỡng vọng những biểu tượng siêu việt, cao cả - "chân, thiện, mỹ", được sống những giờ phút giao cảm hồ hởi đầy tinh thần cộng đồng, con người có thể phô bày tất cả những gì là tinh túy, đẹp đẽ nhất của bản thân qua các cuộc thi tài, qua các hình thức trình diễn nghệ thuật, cách thức ăn mặc lộng lẫy, đẹp đẽ khác hẳn ngày thường... Tất cả đó là trạng thái "thăng hoa" từ đời sống hiện thực, *vượt lên trên đời sống hiện thực*. Nói cách khác, lễ hội đã thuộc về phạm trù *cái thiêng liêng* của đời sống tâm linh, "đổi lập" và cân bằng với cái trần tục của đời sống hiện thực.

Thứ tư, lễ hội là một hình thức *sinh hoạt tín ngưỡng - văn hóa cộng đồng* của nhân dân



Lễ hội Tây Nguyên Ảnh: 11

ở nông thôn cũng như ở đô thị. Trong các lễ hội đó, nhân dân tự đứng ra *tổ chức, chi phí, sáng tạo, tái hiện* các sinh hoạt văn hóa cộng đồng và *hưởng thụ* các giá trị văn hóa, tâm linh. Do vậy, lễ hội bao giờ cũng thấm đượm *tinh thần dân chủ* và nhân bản sâu sắc. Đặc biệt trong "thời điểm mạnh" của lễ hội, khi mà tất cả mọi người chan hòa trong không khí thiêng liêng, húng khởi thì các cách biệt xã hội giữa cá nhân ngày thường dường như được xóa nhòa, con người cùng sáng tạo, và hưởng thụ những giá trị văn hóa của mình.

Điều này có phần nào đối lập với đời sống thường nhật của những xã hội phát triển, khi mà phân công lao động xã hội đã được chuyên môn hóa, nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của con người đã phần nào tách biệt. Đây là chưa kể trong xã hội, một lớp người có đặc quyền có tham vọng "cướp đoạt" các sáng tạo văn hóa cộng đồng để phục vụ cho lợi ích riêng của mình. Đến như nhu cầu giao tiếp với thần linh của con người cũng tập trung vào một lớp người có "khả năng đặc biệt". Như vậy, con người, đứng từ góc độ quảng đại quần chúng, không còn thực sự là chủ thể của quá trình sáng tạo và hưởng thụ các giá trị văn hóa một cách bình đẳng nữa. Xu hướng đó phần nào xói mòn tinh thần nhân bản của văn hóa, làm tha hóa chính bản thân con người. Do vậy, con người trong xã hội hiện đại, cùng với xu hướng dân chủ hóa về kinh tế, xã hội thì cũng diễn ra quá trình dân chủ hóa về văn hóa. Chính nền văn hóa truyền thống, trong đó có lễ hội cổ truyền là môi trường tiềm ẩn những nhân tố dân chủ trong sáng tạo và hưởng thụ các giá trị văn hóa ấy.

Thứ năm, lễ hội không chỉ là tấm gương phản chiếu nền văn hóa dân tộc, mà còn là môi trường bảo tồn, làm giàu và phát huy nền văn hóa dân tộc, là "bảo tàng sống" của văn hóa dân tộc. Cuộc sống của con người

Việt Nam không phải lúc nào cũng là ngày hội, mà trong chu kỳ một năm, với bao ngày tháng nhọc nhằn, vất vả, lo âu, để rồi "xuân thu nhị kỳ", "tháng tám giỗ cha, tháng ba giỗ mẹ", cuộc sống nơi thôn quê vốn tĩnh lặng ấy, bỗng vang dậy tiếng trống chiêng, nổ bùng cờ hội, người người tụ hội nơi đình đền, chùa để mở hội. Nơi đó, con người hóa thân thành văn hóa, văn hóa làm biến đổi con người, một "bảo tàng sống" về văn hóa dân tộc được hồi sinh, sáng tạo và trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nếu như không có nghi lễ và hội hè thì các làn điệu dân ca như quan họ, hát xoan, hát dặm...; các điệu múa xênh tiền, múa rồng, múa lân...; các hình thức sân khấu chèo, hát bội, rối nước, cải lương...; các trò chơi, trò diễn: đánh cờ người, chơi gà, chơi đu, đánh vật, bơi chải, đánh phết, trò Trám... sẽ ra đời và duy trì như thế nào trong lòng dân tộc suốt hàng nghìn năm qua.

Đã có ai đó từng nói làng xã Việt Nam là cái nôi hình thành, bảo tồn, sản sinh văn hóa truyền thống của dân tộc, nhất là trong hoàn cảnh bị xâm lược. Trong cái làng xã nghèo nàn ấy, ngôi đình, mái chùa, cái đền và cùng với nó là lễ hội với "xuân thu nhị kỳ" chính là tâm điểm của cái nôi văn hóa đó. Không có làng xã với các lễ hội, phong tục ... thì cũng không có văn hóa Việt Nam.

Điều này càng cực kỳ quan trọng trong điều kiện xã hội công nghiệp hóa, hiện đại hóa và toàn cầu hóa hiện nay, khi mà sự nghiệp bảo tồn, làm giàu và phát huy văn hóa truyền thống dân tộc trở nên quan trọng hơn bao giờ hết, thì làng xã và lễ hội Việt Nam lại gánh một phần trách nhiệm là nơi bảo tồn, làm giàu và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

2. Bốn cảnh báo về tổ chức lễ hội cổ truyền hiện nay

Đã gần hai thập kỷ nay, tính từ khi đất nước ta bước vào thời kỳ đổi mới, bên cạnh

những thành tựu phát triển rõ rệt về kinh tế, xã hội, thì một điều không thể không nhận thấy là *sự phục hưng của văn hóa truyền thống*, trong đó đời sống lễ hội, phong tục là một điểm son nổi bật. Hằng năm, vào "xuân thu nhị kỳ", nhất là mùa xuân, lễ hội nở rộ khắp nơi. Theo thống kê của Cục Văn hóa - Thông tin cơ sở, ở nước ta hiện nay có 8.902 lễ hội các loại, trong đó có 7.005 lễ hội dân gian cổ truyền. Như vậy, so với 20 năm trước, đây là hiện tượng văn hóa đáng mừng, nó đáp ứng nhu cầu không chỉ của người dân ở nông thôn mà cả đô thị .

Tuy nhiên, bên cạnh những điều đáng mừng đó, quan sát bức tranh lễ hội cổ truyền hiện nay, ta vẫn thấy canh cánh những lo lắng, băn khoăn. Sau một thời gian dài, do chiến tranh, do quan niệm ấu trĩ, sai lầm của chúng ta, lễ hội mất mát, tiêu điều, nay phục hưng trở lại, do vậy cũng không tránh được lệch lạc, khiếm khuyết, cần cảnh báo để cùng nhau khắc phục. Có bốn điều cảnh báo chính:

a - Đơn điệu hóa lễ hội

Văn hóa nói chung cũng như lễ hội nói riêng, bản chất của nó là đa dạng. Cùng là lễ hội, nhưng mỗi vùng miền, thậm chí mỗi làng có nét riêng, theo kiểu người xưa nói "*Chiêng làng nào làng ấy đánh, thánh làng nào làng ấy thờ*". Hay người xưa khi nói về những nét riêng của lễ hội từng làng của Xứ Đoài thì đã có câu ca:

"Bơi Đầm, Rước Giá, Hội Thầy,

Vui thì vui vậy, chẳng tày rã La"

Như vậy, mỗi lễ hội đều có cốt cách, sắc thái riêng, cuốn hút khách thập phương đến với lễ hội làng mình. Tuy nhiên, ngày nay, lễ hội đang đứng trước nguy cơ "*nhất thể hóa*", "*đơn điệu hóa*". Hội làng nào, vùng nào cũng na ná như nhau, làm thui chột đi tính đa dạng của lễ hội, du khách thập phương sau một

vài lần dự hội thì cảm thấy nhàm chán và không còn hứng thú đi chơi hội nữa.

Để khắc phục nguy cơ này, các địa phương, các làng trong khi phục hồi, phát triển lễ hội cổ truyền nên cố gắng *tìm tòi, khôi phục và phát huy các nét riêng, độc đáo về văn hóa và lễ hội của địa phương mình, làng mình*. Từ nhiều nét riêng và độc đáo đó sẽ góp vào "vườn hoa lễ hội" của chúng ta nhiều sắc hương hơn.

b - Trần tục hóa lễ hội

Lễ hội gắn với tín ngưỡng dân gian. Do vậy, nó thuộc về đời sống tâm linh, mang *tính thiêng*. Tất nhiên, tính thiêng là cái vĩnh hằng, nhưng trong mỗi xã hội nó được biểu hiện ở những hình thức khác nhau. Lễ hội cổ truyền tuy nảy mầm, bén rễ từ đời sống hiện thực, trần tục, nhưng bản thân nó là sự "*thăng hoa*" từ đời sống hiện thực và trần tục ấy. "Ngôn ngữ" biểu hiện của lễ hội là *ngôn ngữ biểu tượng*. Thí dụ, 3 trận đánh giặc Ân của Ông Gióng trong Hội Gióng là 3 trận đánh mang tính biểu trưng. Giặc Ân cũng biểu trưng hóa thành yếu tố âm của 28 cô gái. Để nói vận hành của trời đất liên quan đến canh tác nông nghiệp của người nông dân, thì trong hội vật cầu hay hội đánh phết, người xưa đã biểu trưng hóa quả cầu hay quả phết thành màu đỏ biểu tượng cho mặt trời, được đánh theo hướng đông - tây là chuyển động của mặt trời...

Ngày nay, trong phục hồi và phát triển lễ hội, do chưa nắm được ý nghĩa thiêng liêng, đặc biệt là diễn đạt theo cách "biểu trưng", "biểu tượng" của người xưa, nên lễ hội đang bị "*trần tục hóa*", tức nó không còn giữ được *tính thiêng, tính thăng hoa và ngôn ngữ biểu tượng* của lễ hội và như vậy lễ hội không còn là lễ hội đích thực nữa. Hãy lấy một thí dụ, trong Lễ hội kỷ niệm 990 năm Thăng Long - Hà Nội, để nói về sự quật khởi của Hà Nội

trong 12 ngày đêm đánh B 52 của Mỹ, người ta lại làm máy bay giấy, buộc vào 2 đầu dây căng giữa hai cột, cho chạy rồi đốt cháy, khiến người xem buồn cười như trò chơi "trẻ con" và như vậy ý đồ của người tổ chức không được chuyển tải !

c - Quan phương hóa lễ hội

Văn hóa nói chung, trong đó có sinh hoạt lễ hội là sáng tạo của nhân dân, do nhân dân và vì dân. Đó là cách thức mà người dân nói lên những mong ước, khát vọng tâm linh, thỏa mãn nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của mình. Do vậy, từ bao đời nay, người dân bỏ công sức, tiền của, tâm sức của mình ra để sáng tạo và duy trì sinh hoạt lễ hội. Đó chính là tính nhân bản, khát vọng dân chủ của người dân. Nó khác với các nghi thức, lễ lạt của triều đình phong kiến trước kia và chùng nào cả với lễ hội mới của nhà nước hiện nay.

Trong việc phục hồi và phát huy lễ hội cổ truyền hiện nay, dưới danh nghĩa là đổi mới lễ hội, gắn lễ hội với giáo dục truyền thống, gắn lễ hội với du lịch..., đây đó và ở những mức độ khác nhau đang diễn ra xu hướng *quan phương hóa, áp đặt* một số mô hình định sẵn, làm cho tính chủ động, sáng tạo của người dân bị suy giảm, thậm chí họ còn bị gạt ra ngoài sinh hoạt văn hóa mà vốn xưa là của họ, do họ và vì họ. Chính xu hướng này khiến cho lễ hội mang nặng tính hình thức, phô trương, "giả tạo", hệ quả là tác động tiêu cực tới chủ thể văn hóa.

Cần uốn nắn lại cách tổ chức và quản lý lễ hội theo hướng Đảng, chính quyền định hướng và hỗ trợ để quần chúng nhân dân thông qua các tổ chức đoàn thể của mình chủ động trong việc tổ chức lễ hội, sao cho vừa kế thừa những nét đẹp truyền thống, vừa tiếp thu yếu tố mới một cách hợp lý vào sinh hoạt lễ hội. Làm sao để *người dân thực sự là chủ thể*

của những sáng tạo văn hóa trong sinh hoạt lễ hội của mình.

d - Thương mại hóa lễ hội

Cần phân biệt giữa hoạt động mua bán trong lễ hội và việc thương mại hóa lễ hội. Từ xa xưa, trong lễ hội không thể thiếu việc mua bán các sản phẩm độc đáo của địa phương, các món ăn đặc sản, mà hội chợ Viềng ở Nam Định và các hội chợ vùng núi là hiện tượng điển hình. Chính các hoạt động mua bán đó vừa mang ý nghĩa văn hóa, phong tục "mua may bán rủi", vừa quảng bá các sản phẩm địa phương, mang lại những thu nhập đáng kể cho một số ngành nghề ở địa phương. Đó là các hoạt động rất đáng khuyến khích.

Tuy nhiên, cùng với xu hướng phục hồi và phát triển lễ hội hiện nay, không ít các hoạt động mang tính "thương mại hóa", lợi dụng lễ hội để thu lợi bất chính, ép buộc, bắt chẹt người đi trải hội, đặc biệt là lợi dụng tín ngưỡng trong lễ hội để "buôn thần bán thánh" theo kiểu "đặt lễ thuê", "khán vái thuê", bói toán, đặt các "hòm công đức" tràn lan, tạo dựng các "di tích mới" để thu tiền như trong lễ hội ở một số nơi. Cũng không phải không có một số "tổ chức" mệnh danh là quản lý lễ hội, hoạt động du lịch để bán vé thu tiền bất chính khách trải hội. Những hoạt động "thương mại" này đi ngược lại tính linh thiêng, văn hóa của lễ hội, đẩy lễ hội rơi xuống mức thấp nhất của đời sống trần tục. Để khắc phục tình trạng này, cần có quy định chặt chẽ và sự kiểm tra sát sao của các tổ chức quản chúng tại địa phương tổ chức lễ hội.

Chúng tôi tin rằng, những điều cảnh báo trên nếu được các cấp ủy, chính quyền và mọi người dân quan tâm, tìm biện pháp khắc phục thì sinh hoạt lễ hội của chúng ta thực sự trở thành một tấm gương phản chiếu bộ mặt văn hóa độc đáo và đa dạng của văn hóa Việt Nam. □